

*

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN

Kết quả xây dựng nông thôn mới và thành tích nổi bật trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2010-2020

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Trước khi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, huyện Tứ Kỳ đối mặt với bộn bề khó khăn, thiếu thốn, xuất phát điểm rất thấp, tiêu chí nông thôn mới của các xã bình quân chỉ đạt 5,3 tiêu chí/xã. Là một huyện thuần nông, chiêm trũng, kết cấu hạ tầng kém, kinh tế chậm phát triển, sản xuất tiểu thủ công nghiệp nhỏ lẻ, nông nghiệp manh mún, thu nhập người dân thấp, bình quân 13,7 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo cao 14,93%.

Sau 10 năm nỗ lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, với kim chỉ nam của một chủ trương đúng đắn, hợp lòng dân, sự quyết tâm cao độ của toàn Đảng bộ, chính quyền, sự vào cuộc sâu rộng, đồng lòng nhất trí của nhân dân, xác định người dân là chủ thể và là người hưởng lợi trong sự nghiệp xây dựng NTM, đến nay, huyện đã hoàn thành các mục tiêu Chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới, thay đổi hoàn toàn diện mạo của vùng quê nghèo, đi lại khó khăn thay bằng hệ thống giao thông thông suốt, bê tông hóa toàn bộ, giao thông thuận tiện, các trường học được nâng cấp khang trang thay cho lớp học cũ, dột nát, sản xuất nông nghiệp hàng hóa cho giá trị kinh tế cao, cơ cấu giá trị sản xuất ngành Công nghiệp - xây dựng- dịch vụ tăng đáng kể đạt 45,2% (trước xây dựng NTM là 32,06%), Thương mại - Dịch vụ đạt 30,8% (trước xây dựng NTM là 32,74%); Nông nghiệp, thủy sản giảm còn 24,1% (trước xây dựng NTM là 35,2%). Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 52,29 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện giảm còn 1,57%, diện mạo nông thôn thay đổi toàn diện, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên một bước đáng kể.

Đến nay, về tiêu chí xã, toàn huyện có 22/22 xã (đạt 100%) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Năm 2015: 1 xã, 2016: 3 xã, 2017: 2 xã; 2018: 3 xã, 2019: 7 xã, năm 2020: 6 xã.

Tiêu chí huyện: Huyện đã hoàn thành 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Sau khi hoàn thành 19/19 tiêu chí xã nông thôn mới tại 22/22 xã và 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới, diện mạo nông thôn của huyện có sự đổi thay khác biệt,

kinh tế tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực; sản xuất phát triển, thu nhập của nhân dân được nâng cao; di tích lịch sử và truyền thống văn hóa được gìn giữ và phát huy; chất lượng giáo dục, y tế được đảm bảo; cảnh quan môi trường nông thôn được cải thiện; an ninh trật tự được giữ vững; người dân ngày được thụ hưởng tốt hơn về vật chất và tinh thần.

1. Một số kết quả nổi bật

1.1. Về quy hoạch:

Toàn huyện, 22/22 xã đã thực hiện lập quy hoạch theo quy định; thực hiện việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khi sáp nhập xã theo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt tại Quyết định số 2789/QĐ - UBND ngày 23 tháng 9 năm 2021. Ủy ban nhân dân huyện sẽ tổ chức công khai quy hoạch để nhân dân, các tổ chức, đơn vị biết và thực hiện theo quy định.

1.2. Về giao thông: Đến nay, các tuyến giao thông từ đường xã, thôn, xóm, đường trục chính ra đồng đã được cứng hoá, bảo đảm tiêu chí. Toàn huyện có 100% đường trục xã, liên xã được nhựa hóa, bê tông hóa theo quy chuẩn; 100% đường trục thôn, xóm được cứng hóa, trong đó, 98,5% đường thôn, 97,7% đường xóm được nhựa hóa, bê tông hóa; 100% km đường trục chính ra đồng được cứng hóa, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện.

1.3. Về thủy lợi

- Huyện có 2 tuyến đê chống lũ tổng chiều dài 37,7 km. Trong đó, đê tả sông Luộc dài 10,4km, đê hữu sông Thái Bình dài 27,3 km, có 31 cống dưới đê. Các tuyến đê và cống dưới đê đều có chủ thể quản lý, vận hành an toàn.

- Hệ thống bơm tưới, tiêu động lực: Toàn huyện có 102 trạm bơm với 213 máy bơm các loại; tổng công suất dùng cho bơm tiêu trong toàn huyện là 480,5 m³/h, đã hạn chế thấp nhất việc ngập, úng khi có mưa lớn.

- Hệ thống kênh tưới các trạm bơm gồm: Kênh chính và kênh cấp I dài 43 km, kênh cấp II dài 266 km, kênh cấp III dài 374 km; trong đó, 82% kênh chính và kênh cấp I, 36% kênh cấp II, cấp III được kiên cố hóa.

Hệ thống thủy lợi nội đồng đảm bảo phục vụ sản xuất và phòng chống thiên tai. 100% diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.

1.4. Về điện nông thôn: Toàn huyện có 201 km đường dây trung thế; 682 km đường dây hạ thế; 322 trạm biến áp được quản lý, vận hành đảm bảo. Hệ thống điện liên xã đảm bảo cấp đủ điện cho các khu công nghiệp, các nhà máy, xí nghiệp

hoạt động và phục vụ sinh hoạt, sản xuất của nhân dân trên địa bàn huyện. Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt 100%.

1.5. Về trường học: Huyện có 77 trường học, với 25 trường mầm non, 24 trường tiểu học, 24 trường trung học sơ sở và 4 trường trung học phổ thông. Trong đó:

+ 73/73 trường (Mầm non, Tiểu học, THCS) đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất; 55/73 trường được công nhận trường chuẩn quốc gia, trong đó, 08 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

+ 3/4 trường THPT được công nhận đạt chuẩn Quốc gia, Trường THPT Tứ Kỳ II đang phấn đấu trường chuẩn Quốc gia trong giai đoạn 2021-2025.

1.6. Về cơ sở vật chất văn hóa

- 100% số thôn trên địa bàn có nhà văn hóa, sân thể thao và có các công trình phụ trợ và trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao phổ thông phục vụ nhu cầu sinh hoạt, hội họp của nhân dân.

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện có các công trình đạt chuẩn theo quy định. Cụ thể:

+ Nhà văn hóa trung tâm huyện có hội trường trên 350 chỗ ngồi, không gian, khánh tiết, sảnh chính; phòng thư viện; nhà vệ sinh; hành lang; nhà để xe, sân, cổng, hệ thống chiếu sáng, cấp nước, phòng cháy, chữa cháy đạt chuẩn.

+ Công trình thể dục - thể thao của huyện: có 01 sân vận động có diện tích 2,2 ha, 01 bể bơi di động, 01 nhà tập luyện thể thao trong nhà, 2 sân cầu lông, 02 bàn bóng bàn. Hiện, các hạng mục sân bóng đá nhân tạo trên 7.000 m², 3 sân bóng chuyền, khu dụng cụ tập ngoài trời, đường pít, hệ thống đèn đang hoàn thiện, dự kiến đưa vào khai thác trong tháng đầu tháng 10/2021, phục vụ tốt các hoạt động thi đấu, luyện tập ban ngày và kể cả buổi tối cho vận động viên và nhân dân trong huyện.

Trong tổng số 23 di tích lịch sử được xếp hạng có 5 di tích lịch sử xếp hạng di tích Quốc gia và 02 nghệ thuật trình diễn dân gian đặc sắc là Ca trù, hát Chèo làm phong phú đời sống tinh thần cho nhân dân, tạo nét văn hóa truyền thống của miền quê lúa nước đồng bằng châu thổ sông Hồng.

1.7. Về y tế

Trung tâm Y tế đa chức năng huyện đảm bảo các yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ; 100% trạm y tế đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế toàn huyện đạt trên 88%.

1.8. Về nhà ở dân cư

Hiện, trên địa bàn huyện không còn nhà tạm, nhà dột nát. Tỷ lệ hộ dân có nhà ở đạt tiêu chuẩn 98,4% cao hơn so với yêu cầu của tiêu chí là 8,4%.

1.9. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân

Những năm qua Tứ Kỳ luôn quan tâm tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển với nhiều ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, tạo việc làm, thu hút nhiều lao động tham gia, góp phần tăng thu ngân sách, tạo nguồn lực cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, thúc đẩy kinh tế, văn hóa xã hội phát triển; khai thác tiềm năng, lợi thế để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng nông nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ.

- Về sản xuất hữu cơ đặc sản rươi cáy, nuôi trồng thủy sản và sản xuất chăn nuôi

Huyện tập trung phát triển chăn nuôi, thủy sản theo hướng hàng hóa, tập trung, ứng dụng công nghệ cao và phát triển sản xuất hữu cơ, phát huy thế mạnh riêng có về vùng sản xuất hữu cơ đặc sản rươi, cáy nước lợ dọc triền sông Thái Bình, Sông Luộc.

Về vùng sản xuất hữu cơ đặc sản rươi, cáy: Huyện có vùng khai thác, bảo tồn đặc sản rươi cáy, kết hợp với trồng lúa, cây ăn quả hữu cơ 257 ha tại 8 xã dọc triền đê sông Thái Bình, sông Luộc, sản lượng rươi, cáy đạt trên 200 tấn, giá trị đạt 80-100 tỷ, xây dựng kế hoạch mở rộng đến năm 2025 đạt 626 ha, đồng thời đầu tư tạo vùng sản xuất hữu cơ kết hợp du lịch sinh thái nông nghiệp để phát triển bền vững và cho giá trị kinh tế cao. Diện tích này cho thu nhập từ 400 -450 triệu đồng/ha/năm, lợi nhuận từ 300 - 350 triệu đồng/ha/năm (80% giá trị). Năm 2021, huyện tổ chức chứng nhận hữu cơ trong nước và quốc tế, xây dựng thương hiệu, quảng bá phục vụ trong nước và xuất khẩu các sản phẩm tại vùng sản xuất này. Năm 2020, 02 sản phẩm rươi cấp đông và cáy cấp đông được UBND tỉnh Hải Dương chứng nhận sản phẩm OCOP 4 sao, sản phẩm gạo Bãi rươi được tỉnh chứng nhận sản phẩm Ocop 3 sao.

Phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại tập trung hàng hóa quy mô vừa và nhỏ với 149 trang trại, đảm bảo an toàn dịch bệnh, cho sản lượng từ 1 - 1,2 triệu con gia cầm, 9,5 - 10 nghìn tấn thịt hơi xuất chuồng/năm, trên 12.000 tấn thủy sản/năm... giá trị ước đạt trên 740 tỷ đồng. Có 13 cơ sở được chứng nhận VietGAP. Năm 2021, đã chứng nhận VietGAP 02 sản phẩm chăn nuôi chim Bò câu Pháp thảo dược, Gà ri lai và tổ chức chứng nhận sản phẩm Ocop 3 sao cấp tỉnh cho 2 sản phẩm này.

Về nuôi trồng thủy sản: Diện tích thủy sản của huyện đạt 1.770ha, đối tượng nuôi chủ yếu là cá trắm, chép, rô phi... thu nhập từ 350 - 400 triệu đồng/ha/năm (gấp 3 - 5 lần so với trồng lúa). Trong đó, có 63 vùng tập trung từ 5 ha trở lên; một liên vùng tập trung, công nghệ cao 296 ha tại các xã Tân Kỳ - Quang Phục - Tái Sơn, 931 lồng cá trên sông Luộc và sông Thái Bình. Mô hình nuôi cá công nghệ cao tại 3 xã Tân Kỳ, Quang Phục, Tái Sơn mở ra cho thủy sản Tứ Kỳ hướng đi mới, tạo ra năng suất vượt trội, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao, giá trị đạt trên năm 500 triệu đồng/ ha/ năm.

- Về trồng trọt

Tổng diện tích gieo trồng hằng năm 18.000 ha, được tổ chức sản xuất theo hướng hàng hóa, tập trung với quy mô ngày càng lớn và nâng cao chất lượng sản phẩm. Các xã thị trấn đã hoàn thành dồn điền đổi thửa gắn với chỉnh trang đồng ruộng năm 2016.

Trong sản xuất lúa, rau màu đã cơ giới hóa khâu làm đất 100% diện tích, cơ giới hóa khâu thu hoạch trên 95% diện tích lúa. Huyện đã chỉ đạo các xã, thị trấn tích cực đổi mới cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ, đưa vào địa bàn các giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao. Giá trị sản xuất trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt trên 150 triệu đồng/ ha.

Thực hiện kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, từ năm 2018 đến năm 2020, toàn huyện đã chuyển đổi gần 693 ha đất lúa kém hiệu quả sang nuôi thủy sản (130 ha), trồng cây ăn quả (560 ha), trong đó, diện tích chuối đang cho thu hoạch 490 ha, sản lượng 13.600 tấn/năm, tiềm năng lớn cho xuất khẩu và tạo thương hiệu sản phẩm.

Quy vùng sản xuất tập trung được 160 vùng lúa (mỗi vùng từ 10 ha trở lên), tổng diện tích 1.906 ha; diện tích rau màu vụ đông là 2.000 ha (cây trồng chủ lực khoai tây, su hào, bắp cải, súp lơ, ớt), có 65 vùng chuyên canh rau với diện tích 695 ha với rau nổi tiếng như Hưng Đạo, Nguyên Giáp. Hệ số sử dụng đất trong vùng chuyên canh rau đạt từ 3 - 5 vụ/năm. Giá trị sản xuất theo giá hiện hành đạt từ 450 - 700 triệu đồng/1ha đất canh tác (gấp từ 5 - 8 lần trồng lúa). Tất cả diện tích rau màu nông dân được tập huấn và thực hành sản xuất theo quy trình VietGAP, có 30ha rau được chứng nhận VietGAP.

Mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện ngày được quan tâm và mở rộng. Toàn huyện có khoảng 613 ha lúa, 52 ha rau màu được ký hợp đồng sản xuất và bao tiêu sản phẩm với các công ty, doanh nghiệp, HTX; khoảng 200 ha lúa, 100 ha rau màu được hợp đồng với thương lái trước khi sản xuất, có đầu ra ổn định, người dân yên tâm sản xuất và có lợi nhuận tương đối cao.

Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Toàn huyện có 12.000 m² nhà màng, nhà lưới phục vụ trồng các loại rau hữu cơ, dưa lưới, dưa chuột và nấm, cho hiệu quả cao hơn từ 50 - 70% so với trồng bên ngoài, các địa phương đã đăng ký mở rộng thêm 20.000 m² trong năm 2021. Kế hoạch năm 2021 có thêm 08 sản phẩm (ngó sen, dưa lưới, dưa chuột, su hào, bắp cải, nấm sò, nấm mỡ, nấm hương) được chứng nhận OCOP cấp tỉnh.

- Về Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, Xây dựng

Giá trị sản xuất ngành Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn của huyện giai đoạn 2011 - 2020 tăng trưởng bình quân 15%/năm; giá

trị sản xuất công nghiệp chiếm tỷ trọng trên 45%. Hiện nay, huyện có 03 cụm công nghiệp, diện tích 163 ha và các điểm tiêu thụ công nghiệp thu hút trên 568 công ty, doanh nghiệp và 11 làng nghề đang hoạt động tạo việc làm cho trên 25.000 lao động, thu nhập bình quân từ 6 - 9 triệu đồng/lao động/tháng.

1.10. Thu nhập và tỷ lệ hộ nghèo và lao động có việc làm

- Về thu nhập: Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn trên địa bàn huyện thời điểm trước khi triển khai chương trình xây dựng NTM đạt 13,7 triệu đồng/người/năm, đến năm 2020 đạt 52,2 triệu đồng/người/năm (Theo tiêu chí là 50 triệu đồng/người/năm), tăng 39,5 triệu đồng/người so với thời điểm trước khi triển khai xây dựng NTM.

- Về tỷ lệ hộ nghèo: Đến nay, tỷ lệ hộ nghèo đối chiếu theo tiêu chí nông thôn mới của huyện giảm xuống còn 0,87% (theo tiêu chí là nhỏ hơn 2 %), giảm 14,06% so với trước khi triển khai xây dựng NTM.

- Lao động có việc làm: Năm 2020, lao động có việc làm trong độ tuổi trên địa bàn huyện đạt trên 90%.

1.11. Về môi trường

Nhiệm vụ bảo vệ môi trường được huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, đạt nhiều kết quả. Phong trào dọn vệ sinh môi trường thôn, khu dân cư, đường làng ngõ xóm, chỉnh trang nhà cửa, cải tạo vườn tược, cổng, ngõ, trồng hoa ven đường được phát động và triển khai sâu rộng rộng đến cán bộ, hội viên các đoàn thể chính trị - xã hội và trong nhân dân...

Các điểm dân cư tập trung có hệ thống tiêu thoát nước mưa và nước thải, không còn hiện tượng tắc nghẽn, ú đọng nước thải và ngập úng kéo dài. Các cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề (chủ yếu là thủ công, mỹ nghệ) cơ bản đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường (có cam kết, kế hoạch, đề án bảo vệ môi trường hoặc có báo cáo đánh giá tác động môi trường).

100% xã, thị trấn trong huyện có bãi chôn lấp rác tập trung được trồng cây xanh, lấp đất, phun chế phẩm vi sinh định kỳ, có tổ thu gom rác thải. Chất thải rắn trên địa bàn cơ bản được thu gom, xử lý theo quy định. Rác thải sinh hoạt, một phần làm chất đốt, một phần thu gom vào các bãi chứa rác tập trung. Rác thải y tế, được Trung tâm Y tế hợp đồng với đơn vị thu gom, xử lý theo quy định; rác thải các làng nghề, khu, cụm công nghiệp, một phần tận dụng tái chế, làm chất đốt, một phần thuê đơn vị thu gom, xử lý. Nước thải sinh hoạt các khu dân cư, các cơ sở sản xuất, kinh doanh được thu gom vào bể tự xử lý của các cơ sở, các hộ dân trước khi thải ra môi trường; 100% hộ dân có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó, trên 96% số hộ được sử dụng nước máy từ các nhà máy nước tập trung trong huyện...

Từ năm 2020 đến nay, huyện đã phát động phong trào thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên đồng ruộng và trồng cây, hoa trên các tuyến đường giao thông do cán bộ, hội viên các đoàn thể đảm nhận. Sau gần 1 năm thực hiện, đã trang bị thêm 840 thùng thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật đặt tại các bờ lô, bờ thửa trên các cánh đồng, thu gom 7 tấn vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, thuê Công ty Cổ phần công nghệ môi trường An Sinh thu gom, xử lý xong trong tháng 9/ 2021 theo quy định; trồng, chăm sóc 56 km đường hoa, đường cây tạo cảnh quan môi trường nông thôn xanh, sạch, đẹp và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người dân.

1.12. Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội của địa phương. Trong những năm qua luôn được giữ vững và ổn định. Không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống phá đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái phép; không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; không xảy ra các vụ án nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng. Hàng năm, các xã đều hoàn thành tốt chỉ tiêu quốc phòng.

2. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới

2.1. Về huy động nguồn vốn

Tổng kinh phí thực hiện đến tháng 12/2020 là 1.602,3 tỷ đồng.

Trong đó:

- Ngân sách trung ương: 153,82 tỷ đồng, chiếm 9,6%;
- Ngân sách tỉnh, huyện: 360,8 tỷ đồng, chiếm 21%;
- Ngân sách xã: 505,05 tỷ đồng, chiếm 31,5%;
- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án: 115,5 tỷ đồng, chiếm 7,2%;
- Vốn đầu tư doanh nghiệp: 33,63 tỷ đồng, chiếm 2,1%;
- Nhân dân đóng góp: 55,6 tỷ đồng, chiếm 3,5%;
- Vốn tài trợ, ủng hộ: 22,75 tỷ đồng, chiếm 1,4%;
- Nguồn vốn tín dụng: 379,11 tỷ đồng, chiếm 23,7%.

2.2. Về quản lý và sử dụng nguồn vốn

Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho Chương trình xây dựng nông thôn mới được UBND tỉnh, UBND huyện phân bổ, quản lý, sử dụng đảm bảo đúng nguyên tắc, mục đích và đối tượng.

Nguồn vốn của nhân dân đóng góp, nguồn vốn hỗ trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân và nguồn vốn khác được thực hiện đúng quy định, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, do người dân tự bàn bạc, quyết định, thực hiện đúng quy chế dân chủ.

Tính đến thời điểm báo cáo trên địa bàn huyện Tứ Kỳ không có nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới.

3. Một số mô hình tiêu biểu

3.1. Mô hình bảo tồn, khai thác thủy đặc sản rươi cáy kết hợp với trồng lúa, chuỗi theo hướng hữu cơ tại 8 xã ven sông Thái Bình, sông Luộc: Hiện có 257 ha diện tích đang khai thác, đạt năng suất và chất lượng cao, giá trị hàng hóa bình quân đạt 400-450 triệu/ha/năm (lợi nhuận từ 300-350 triệu đồng/ha/năm). Sản phẩm rươi cấp đông, cáy cấp đông, gạo hữu cơ bãi rươi đã được UBND tỉnh chứng nhận là sản phẩm OCOP 3 sao và 4 sao. Huyện đang thực hỗ trợ chứng nhận vùng sản xuất hữu cơ trong năm 2021.

3.2. Mô hình nuôi thủy sản tập trung ứng dụng công nghệ cao liên xã Tái Sơn - Quang Phục - Tân Kỳ diện tích 296 ha, huyện đang thực hiện hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị để đáp ứng nhu cầu sản xuất. Năng suất bình quân đạt từ 40-50 tấn/ha/năm, giá trị đạt từ 1,2-1,5 tỷ/ha (lợi nhuận bình quân đạt 220-250 triệu/ha). Huyện đang hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh chứng nhận là vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao thủy sản đầu tiên của tỉnh trong năm 2022.

3.3. Mô hình chuyển đổi diện tích đất lúa kém hiệu quả (gần 400 ha) sang mô hình ao nổi nuôi thủy sản không làm mất đi các điều kiện phù hợp để trồng lúa trở lại, cho năng suất bình quân đạt từ 30-40 tấn/ha/năm, giá trị đạt từ 0,9-1,2 tỷ/ha, lợi nhuận bình quân 180-220 triệu/ha)

3.4. Mô hình nuôi cá lồng ở 5 xã ven sông Thái Bình, sông Luộc đem lại hiệu quả kinh tế cao và ổn định cho người sản xuất (toàn huyện hiện có 931 lồng tại 05 xã, tiềm năng có thể mở rộng phát triển thêm 150 lồng), sản lượng ước đạt 3.000 tấn/năm, giá trị từ 130-140, lợi nhuận bình quân đạt 25-30 tỷ/năm.

3.5. Mô hình sản xuất lúa, rau màu chuyên canh, tập trung gắn với liên kết, bao tiêu sản phẩm: Toàn huyện có 20 vùng sản xuất, diện tích là 613 ha (12 vùng sản xuất lúa quy mô từ 20 đến 30 ha/vùng, 08 vùng sản xuất cây rau màu vụ đông quy mô từ 5ha/vùng trở lên). Năm 2021, huyện tiếp tục hỗ trợ thực hiện mô hình 60 ha lúa bãi rươi sản xuất theo hướng hữu cơ tại xã An Thanh và mô hình trồng rau sạch theo tiêu chuẩn VietGap 0,7 ha tại các xã Quang Khải, Ngọc Kỳ, Chí Minh... góp phần nâng cao thu nhập cho nhân dân, nhân dân yên tâm sản xuất.

3.6. Mô hình thu gom vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật; trồng, chăm sóc đường cây, đường hoa: Phát động năm 2020, huyện hỗ trợ kinh phí trang bị thêm 840 thùng chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật và giống cây, giống hoa, giao hội phụ nữ chủ trì, phối hợp với các đoàn thể chính chi -xã hội trồng, chăm sóc trên 56 km đường hoa, đường cây; thu gom trên 7 tấn vỏ bao bì (huyện đã thuê Công ty Cổ phần công nghệ môi trường An Sinh xử lý theo quy định).

3.7. Mô hình "tiếng kèng an ninh" do lực lượng Công an làm điểm tại xã Cộng Lạc năm 2019, hiện đang nhân rộng ra địa bàn toàn huyện: Sau khi ra đời mô hình "Tiếng kèng an ninh" đã nâng cao ý thức phòng ngừa, đấu tranh, phát hiện, tố giác tội phạm của nhân dân, tình hình an ninh trật tự chuyển biến rõ nét, số vụ vi

phạm pháp luật giảm rõ rệt, góp phần nâng cao tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn huyện.

Với những thành tích đã đạt được, ngày 28/10/2021 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1811/QĐ-TTg công nhận huyện Tứ Kỳ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020. Ngày 8/10/2021, Chủ tịch nước đã ký Quyết định số 1752/QĐ-CTN tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba cho đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Tứ Kỳ đã có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

II. MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Về xây dựng nông thôn mới

Với quan điểm “Xây dựng nông thôn mới có điểm khởi đầu, không có điểm kết thúc”. Huyện Tứ Kỳ tiếp tục xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; tăng trưởng kinh tế đạt mức bình quân của tỉnh; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; tiếp tục quan tâm phát triển văn hóa truyền thống và xây dựng đời sống văn hóa mới. Phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; môi trường sinh thái được bảo vệ, an ninh trật tự được giữ vững; hệ thống chính trị ở nông thôn được củng cố vững chắc.

Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí xã, huyện nông thôn mới. Đến năm 2025, phấn đấu có 10 xã đạt xã nông thôn mới nâng cao, 03 xã đạt xã nông thôn mới kiểu mẫu, các xã còn lại đạt 80% số tiêu chí nông thôn mới nâng cao trở lên.

Một số chỉ tiêu cụ thể, phấn đấu đạt được đến năm 2025: Giá trị sản xuất nông nghiệp, thủy sản tăng bình quân 2%/năm; Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng tăng bình quân 16%/năm; Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng bình quân 15%/năm; Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 90 triệu đồng/người/năm; Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia đạt 100%; Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt trên 95%; 100% xã, thị trấn đạt dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

- Cơ cấu lao động các ngành kinh tế: nông nghiệp, thủy sản 25% - công nghiệp, xây dựng 50% - dịch vụ 25%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ đạt 30%. Mỗi năm tạo việc làm mới cho trên 3.000 lao động.

- Nâng cao chất lượng và hàng năm, duy trì trên 90% làng, khu dân cư, cơ quan văn hoá.

- Tỷ lệ cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt trên 50%; 100% các doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn huyện có hệ thống xử lý nước thải đảm bảo quy định; tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom xử lý đạt 100%.
- Giảm 2/3 số hộ nghèo theo chuẩn nghèo mới.

2. Về sản xuất nông nghiệp

Phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất nông sản hàng hóa, chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao tỷ trọng sản phẩm có giá trị gia tăng cao; tăng cường áp dụng khoa học công nghệ, phát triển toàn diện nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, bền vững trên cơ sở phát huy các lợi thế; áp dụng khoa học công nghệ để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả, an toàn thực phẩm và khả năng cạnh tranh cao.

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp, giai đoạn 2021 - 2025 bình quân là 2%/năm; Đến năm 2025 giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha đất trồng trọt kết hợp nuôi trồng thủy sản đạt bình quân 180 triệu đồng.

- Về trồng trọt: Sản xuất theo hướng chuyên dịch cơ cấu cây trồng, gắn với thị trường tiêu thụ, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng; phát triển mạnh các vùng sản xuất hàng hoá tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị, trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm của từng xã, thị trấn.

- Về chăn nuôi: Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung tại các khu chuyên đổi. Xây dựng mô hình liên kết tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị với quy mô chăn nuôi được đầu tư phát triển linh hoạt theo xu thế tiêu thụ của thị trường, đẩy mạnh áp dụng tiến bộ KHKT trong chăn nuôi.

- Về thủy sản: Duy trì sản xuất tốt, đảm bảo an toàn dịch bệnh, phát triển ổn định, đạt hiệu quả kinh tế cao đối với các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung đã được đầu tư xây dựng hình thành. Đa dạng hóa các đối tượng nuôi, đặc biệt đẩy mạnh nuôi các đối tượng có giá trị kinh tế, thị trường tiêu thụ tốt như cá rô phi đơn tính, Diêu hồng, Chép lai, Nheo Mỹ, Tôm thẻ. Tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ vi sinh để nuôi thủy sản theo hướng thâm canh năng suất cao, chất lượng tốt, đảm bảo an toàn thực phẩm. Phấn đấu đến năm 2025 hình thành 30 trang trại thủy sản tại các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung.

Tiếp tục đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho 08 vùng NTTS tập trung có diện tích từ 25 ha trở lên tại các xã Tái Sơn, Đại Sơn, Dân Chủ, Hà Thanh, Hưng Đạo, Cộng Lạc, Quang Khải, Ngọc Kỳ. Tiếp tục duy trì hình thức nuôi cá lồng bè trên sông Luộc và sông Thái Bình đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất. Duy trì sản xuất và mở rộng diện tích bảo tồn và khai thác nguồn lợi thủy đặc sản rươi cáy. Phấn đấu đến năm 2025, tổng diện tích bảo tồn và khai thác rươi, cáy tự nhiên trên toàn huyện đạt trên 626 ha.

Trong nhiều năm qua, nhân dân và cán bộ huyện Tứ Kỳ đã được Đảng, Nhà nước; các Bộ, ban, ngành đoàn thể Trung ương và của tỉnh Hải Dương ghi nhận thành tích và tặng thưởng hàng trăm danh hiệu và hình thức thi đua khen thưởng trên tất cả các lĩnh vực. Chỉ tính riêng giai đoạn 2015-2020, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh tặng khen: 5 tập thể, cá nhân được tặng thưởng Huân chương lao động các hạng; 35 tập thể được tặng Cờ thi đua xuất sắc; 01 cá nhân được tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”; 216 tập thể và cá nhân được tặng Bằng khen; 193 tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”; 40 cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”.

Với những kết quả và thành tích đạt được trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, huyện Tứ Kỳ đã được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động hạng Ba về thành tích phát triển nông nghiệp, góp phần xây dựng CNXH và bảo vệ tổ quốc; Thủ tướng Chính phủ trao tặng danh hiệu Huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020.
